

***Đại Bi Quán Thế Âm
Hay***

Liên Hoa Bộ

Cư sĩ Liên Hoa

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 27-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Kính dâng lên chư Tổ, Ân sư Cố Sa môn Thích Viên Đức, Sa môn Thích Quảng Trí và những hành giả Du già đã và đang âm thầm nuôi dưỡng, duy trì và phổ biến Mật giáo tại Việt Nam.

- Kính tri ân những tác giả các quyển sách mà tôi đã trích đăng hay tham khảo khi viết bài tiểu luận này.
- Thương tặng Thanh- người vợ và là người bạn đồng hành.

Nhận quá trường không

Ảnh trầm hàn thủy

Nhận vô di tích chi ý

Thủy vô lưu ảnh chi tâm

(Thiền sư Hương Hải)

Tạm dịch :

Nhận bay giữa trời

Bóng chìm dưới nước

Nhạn không lưu ảnh để lại

Nước chẳng lưu bóng làm chi

Hình ảnh Quán Thế Âm là biểu tượng sống động của tình yêu tuyệt vời, cao độ trong Phật giáo, đó là tinh thần Đại bi.

Phải chăng phạm trù Đại bi chỉ ứng dụng cho con người hiện đại, hay tiếng niệm Quán Âm là tiếng cầu cứu thống thiết nhất của nhân loại trước họa diệt vong? Chúng ta càng ngày càng sống trong một xã hội được khoa học kỹ thuật phục vụ, và càng lúc, vì ảnh hưởng của môi trường sống chung quanh, ta càng quên mất chính ta. Tây phương đã lẫn lộn giữa tiện nghi và tiến hóa, và Đông phương chỉ vì mặc cảm thua kém về kỹ thuật khoa học, đã và đang tiến bước theo đà của Tây phương cũng như đã dần dần đánh mất những bản sắc cao đẹp nhất của Đông Phương: Đó là đời sống tâm linh. Cần nhấn mạnh là chúng ta không chống đối sự tiến bộ, sự phát triển của khoa học, nhưng làm sao phải quân bình giữa tinh thần và vật chất, cũng như phân biệt rõ giữa tiện nghi và tiến hóa

Phật giáo nhận thức rằng: “Con người hay hữu tình nơi đâu vẫn đều khổ. Khổ vì sanh, già, bệnh, chết, vì lục dục thất tình làm điên đảo, đổ ky, tranh giành, thù hận, chém giết . . . Quá khứ đã vậy và tương lai cũng vậy, chỉ trừ khi con người đã vượt thoát khỏi sự chấp trước trong vòng nhị nguyên”.

Đó cũng là ý nghĩa xuất hiện trên thế gian của Đức Phật.

Phẩm Phương Tiện của Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Ta vì đại sự nhân duyên mới xuất hiện ở đời, đó là khai thị cho chúng sanh Ngộ, Nhập Phật Tri Kiến”.

Cho nên, tìm hiểu về Đức Quán Thế Âm Bồ tát trong Mật giáo, chính là sống trong lòng từ bi vô bờ bến của Đức Phật, trong tinh thần Đại nguyện của Bồ tát Hạnh, cũng là sống với chính mình, làm cõi bỏ tất cả mọi phiền trược, thành kiến v.v... để thể nhập vào Đại bi Thai tạng giới, thể hiện tinh thần cứu khổ, ban vui được hiện thực trên mỗi con người, mỗi hành giả.

Vậy, Đức Quán Thế Âm trong Mật giáo ra làm sao?

Quan Âm hay Quán Âm, gọi đủ là Quán Thế Âm. Tiếng Phạn gọi là Avalokiteshvara. Quán là quán tưởng, có nghĩa là xét thấy bằng tư tưởng và trong tư tưởng, tức là trí năng quán. Thế là thế gian, tức cảnh sở quán. Âm là tiếng hay âm thanh.

Quán Thế Âm có nghĩa là xét thấy, xét nghe tiếng của thế gian đau khổ, lo sợ. Bởi tất cả chúng sanh đều có hoặc nghiệp nên mới hòa hợp với nhau mà hiện ra các khổ tướng báo thân. Cho nên, Quán Thế Âm cũng có nghĩa là Trí năng quán, tiêu biểu cho Đại bi, Đại từ của Đức Phật, tức Tâm. Mà tâm thời ai cũng có, cho nên Đức ấy có thể hiện trong bất luận chúng sanh nào, từ cõi Thiên xuống đến cõi người, A-tu-la v.v... để độ thoát những chúng sanh trong 3 nẻo dữ (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Quán Thế Âm gồm 2 nghĩa :

- Về Nhân hạnh : Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rằng: “Tiếng bị nghe được gọi là Cảnh sở quán, do tâm không duyên cảnh nào khác mà mỗi mỗi đều an trụ vào Như Lai Tạng”. Đây chủ yếu là lấy Văn - Tư - Tu làm cho nhĩ căn viên thông. Bởi vì, nếu có thể quay ngược lại để nghe nơi tự tánh, thời năng văn của tâm và cảnh sở văn thấy đều tiêu tan, dung hội- tâm mới được tự tại, viên thông.

- Về Quả đức : Từ nhân hạnh, nay lấy chữ Âm làm đại biểu cho tất cả những tiếng khổ đau, cũng là tiếng kêu vang thống thiết của chúng sanh đang ngập lặn trong phiền não, si mê. Bồ tát dùng nguyện lực đại bi đã từng thường xuyên quán sát chúng sanh khổ não, gặp có cảnh xung niệm danh tánh mình để cầu cứu độ thoát, Bồ tát liền đem ngay trí đại bi soi xét tất cả, tức tốc thi hành cứu độ ngay.

Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn do Thái Hư Đại sư giảng lược có giải thích rõ về chữ Quán và 5 pháp Quán như sau:

1- Chân quán : Là dùng diệu trí quán sát nơi chân tánh để biết thân tâm mình, thân chúng sanh, tất cả đều bình đẳng không hai- Đây tức chân khởi nguyên của đồng thể đại bi.

2- Thanh tịnh quán : Là quán sát nơi tịnh pháp từ xưa đến nay chẳng tương ứng cùng với nhiễm pháp, xa lìa 2 món chướng ngại là cái ta và vật của ta.

3- Quảng đại trí tuệ quán : Vì tự tâm thanh tịnh, nên quán sát nơi pháp hai Đế Chân và Tục, mỗi mỗi đều soi rõ ràng không có sót lọt.

4- Bi quán : Là quán nơi giữa chúng sanh và Phật đều đồng thể, do đó; mới thương chúng sanh vì họ bị hoặc-nghiệp nên không thoát khỏi khổ não.

5- Từ quán : Là Bồ tát Quán Thế Âm vì lòng bi nguyện cứu khổ, nên thường nghĩ ban điều vui, an lành cho chúng sanh.

Do Quán tự này, hiện rõ ánh sáng Vô cấu Thanh tịnh, tức ánh sáng của trí tuệ năng phá các tăm tối phiền não, nhờ đó hàng phục được bốn tâm. Cho nên, mới năng đem trí quang minh mà soi khắp các cõi để cứu khổ chúng sanh. Đây chính là diệu dụng lợi tha.

Còn căn cứ vào Quả đức mà nói, thời mười Phương ba đời các Đức Phật, có Ngài nào mà không đem từ bi quán soi các khổ não của chúng sanh để mà cứu vớt. Do đó, không vị nào không là đồng danh đồng hiệu Bồ tát Quán Thế Âm. Và chúng sanh đâu có gì sai khác, vì chúng sanh là Phật sẽ thành. Âm thanh chẳng những là tiếng từ miệng phát ra, mà trong tâm chúng sanh những khi mặc niệm cũng là âm. Bởi vì là từ danh thể làm hiện cảnh, rõ nghĩa, mà tâm là duyên cảnh xét lấy nơi nghĩa. Cho nên, hễ động nơi bên “trong” cũng là tiếng của tâm, nên cũng chính là niệm Quán Thế Âm của bốn tâm mình.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm còn nói thêm: “Vì được viên thông vô thượng, cho nên Ngài có 4 Đức vô tác nhiệm màu không thể nghĩ bàn:

1-Một là xoay tánh nghe để nghe tiếng màu nhiệm của nội tâm. Tánh nghe này không chút ô nhiễm, nên ngăn dứt tất cả âm thanh đối tượng. Bây giờ, tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của 6 căn còn là một tánh giác thanh tịnh có thể thay thế cho nhau mà không ngăn ngại. Do đó, có thể hiện ra nhiều tướng và nói vô số Chân ngôn bí mật, từ 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu. Hoặc có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14 tay, 18 tay, 10 tay, 24 tay, 108 tay, 1000 tay, 10.000 tay cho đến 84.000 tay uyển chuyển, và biến hiện về mắt cũng như mắt vậy, nhưng có mắt thanh tịnh hoặc uy từ, hoặc uy, hoặc định, hoặc huệ tùy duyên cứu độ cho chúng sanh được tự tại

2- Hai là tánh nghe và suy nghĩ thoát ra khỏi 6 trần, như âm thanh luôn xuyên qua vách. Do sức nhiệm màu vô tác, nên hiện nhiều hình tướng, nói

nhiều chân ngôn đem lại cho chúng sanh được sức vô úy. Cho nên danh xưng của Ngài trong mười phương vi trần, gọi là Bạc Thí Vô Úy.

3- Do sự tu tập là phát huy căn bản thanh tịnh sẵn có, nên được viên thông mâu nhiệm. Đi đến nơi nào hay thế giới nào, cũng tùy theo sự cầu cứu của chúng sanh mà thương xót tế độ.

4- Do được Phật tâm, chứng ngộ đến chỗ cứu cánh nên có thể đem các thứ trân bảo cúng dường Thập phương Như Lai. Đến như các chúng sanh trong pháp giới muốn cầu trường thọ, được trường thọ, cho đến cầu Đại Niết bàn cũng được Đại Niết bàn.

Sự chứng đắc viên thông này đến từ cửa ngõ nhĩ căn quán chiếu đến tột cùng viên mãn về âm văn (nghe và tiếng) mà được Tam muội, bởi vì tánh và nghe và thấy tròn sáng châu biến mười phương”

Vì chúng sanh có thiên hình vạn chủng, nghiệp sai biệt nên do tâm sai biệt mà chiêu cảm hình tướng. Cho nên, trong Bộ Mật tạng của Tông Mật, Đại Bi Quán Thế Âm cũng biến hiện ra nhiều thân hình như Thiên nhân Thiên tử Quán thế Âm , Thập Nhất Diện Thánh Quán tự Tại, Quyển Sách Quán Thế Âm, Không Tước Quán Thế Âm, Bạch Y Quán Âm, Chuẩn Đề Quán Âm v.v.. Để thuyết pháp hoặc nói chú độ chúng sanh. Có nghĩa là Thần chú của Đại bi Quán Thế Âm nhiều nhất trong Bộ Mật Tạng, tương ứng với những trạng thái thống khổ của chúng sanh trong 3 cõi, 6 đường. Có thể nói đến Phẩm Phổ Môn trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cũng có nói đến 7 nạn, 2 cầu, và 32 ứng hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm cũng cùng ý nghĩa cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh.

Mật giáo cũng là một trong mười Tông phái của Phật giáo. Mật giáo lấy phương pháp Tam mật gia trì làm căn bản. Đây là pháp của Đức Như Lai Đại Nhật hay Tỳ-lô-giá-na (Vairocana), là Pháp thân của Đức Phật- có nghĩa là phương pháp được xướng khởi trên mặt Quả hay là trên sự chứng nghiệm rồi. Tam mật gia trì, đó là thân-khẩu-ý.

* Thân: Ngồi kiết già hay bán già, còn gọi là Thân Kim Cang- tương ứng với Pháp thân.

* Khẩu: Miệng tụng trì Thần chú, còn gọi là Khẩu Kim Cang, ứng với Ứng Thân.

* Ý: Quán tưởng chủng tự hoặc Bồ Tôn, còn gọi là Ý Kim Cang, tương ứng với Hóa Thân.

Khi Tam mật tương ứng, chính là ngay trong khoảng sát na đó đã thể hiện trọn vẹn hình ảnh Bồ tôn hoặc Đức Phật. Liên tục gia công hạnh pháp tức liên tục thể nhập hình ảnh đó, tức tâm, tức ngay thân này phá trừ nội ngoại chướng, thành Phật.

Mật giáo lại chia ra làm 2 loại:

1-Kim Cang giới tức Không, còn gọi là Trí tuệ Bát nhã, Đại

Viên Cảnh Trí.

a/- Trí đức bền vững không hư hoại.

b/- Năng dung phá tan tất cả phiền não.

2- Thai tạng giới tức Hữu, còn gọi là Đại Bi Tâm, tức Diệu Quán

Sát Trí.

a/- Ân phú : Lý thể ẩn trong phiền não.

b/- Hàm tàng : Lý thể đầy đủ công đức, ví như thai mẹ

hàm tàng thân con.

Thai tạng giới như cái bào thai, tiêu biểu Bi Trí tánh đầy đủ. Thai nhi còn là biểu tượng cho chính hành giả tu trì chân ngôn.

Thai tạng giới còn bao gồm 3 Bộ :

1- Phật Bộ : Do Đức Như Lai Đại Nhật làm chủ, nghĩa Bi Trí đầy

đủ, giáo đại viên mãn.

2- Liên Hoa Bộ : Do Đức Bồ Tát Quán Thế Âm làm chủ, có

nghĩa là Đại Bi Tâm hay trụ tướng

pháp lành, ví như hoa sen tươi đẹp trong bùn.

3- Kim Cang Bộ : Do Bồ Tát Kim Cang Thủ làm chủ, là Trí tuệ

và Lục dụng của Như Lai, hay phá tan mọi nghiệp khổ, dụ rắn

chắc như Kim Cang.

(Vì muốn làm sống động hình ảnh Đức Đại bi Quán Thế Âm hay Liên Hoa Bộ trong Mật giáo, nên tôi đã dẫn chứng đến nhiều danh từ của Mật giáo. Còn nói rõ về ý nghĩa cũng như phương pháp tu trì Chân ngôn là một việc khác và sẽ được nói trong quyển “ Tinh yếu Mật giáo Việt Nam”).

Mật giáo lấy âm thanh làm chủ. Đây cũng là sự liên hệ mật thiết với Đại bi Quán Thế Âm, tuy như 2 mà là một. Tay bắt Ấn, miệng niệm chú cũng là khởi động của âm thanh, những ba động. Ý quán tưởng cũng là những âm thanh của tâm.

Âm của tâm tức Diệu âm, gồm ý nghĩa bất tư nghì, tức tâm Phật hay tâm của Bồ tôn. Cái tâm bao trùm tất cả để tùy sự cầu cứu của chúng sanh mà cứu vớt và tùy duyên giáo hóa, hay phương tiện thi thiết pháp âm, tức nơi Quyền lý Thiết. Nhưng vì nguyên lai Bản thể chẳng dời đổi, lay động, nên tùy duyên mà thường bất biến. Có nghĩa là nơi Dụng hiện Thể, hiển hiện Diệu Âm hoặc Quán Thế Âm.

Tâm Phật và chúng sanh nào có khác nhau, chỉ duy có bên Mê bên Ngộ, tịnh-nhiễm, giải thoát và ràng buộc. Cho nên, để thể nhập vào Đại bi Thai Tạng giới, hành giả phải hành trì, có nghĩa là thọ trì, gìn giữ, tức Niệm. Trì Niệm gồm đủ 2 nghĩa : Sự và Lý.

Khi trì niệm chân ngôn là Sở trì. Tâm ta là tâm Năng niệm, biết tâm năng niệm của ta, tức hiển lộ Danh sở niệm. Lìa tâm, không có Danh sở niệm, cũng như lìa Danh, không có Tâm Sở niệm. Ngoài Sở không Năng, ngoài Năng không Sở. Đó chính là Nhất tâm, còn gọi là Lý trì. Sự chẳng rời Lý, Lý nhờ sự hiện, chẳng rơi vào Không hoặc Hữu, không vương hai bên, hợp với Tự tánh Chân tâm, gọi đó là Phạm Âm.

Cũng như khi niệm, niệm trước chẳng sanh, tức sống trong tự tánh định, không lìa Thể Chân như thanh tịnh, tức không vọng động. Niệm sau

chẳng diệt, tức vào nơi tự tánh huệ, bỗng tánh tự tại ứng động, phát ra diệu dụng, hiểu rõ và phân biệt tất cả Sự-Lý, mọi vật. Tuy nói trước sau, nhưng không có thời gian hiện diện, vì tức thời hay tương tức.

Do thể hiện được sự kết hợp với Chân tâm, ba độc tham-sân-si liền tiêu trừ, tức thành được 3 Đức của Mật tạng: Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát. Đức này như sóng Hải triều âm làm tan mọi vọng niệm của chúng sanh để đưa đến Bồ giác. Đó cũng là Hạnh của Bồ tát: Trên cầu Phật đạo- đó là Phạm âm. Dưới hợp với cơ nghi, cứu độ chúng sanh- đó là Hải triều âm.

Đại bi Quán thế âm của Mật giáo, tức là Bồ tát tự tánh của chúng sanh. Chúng sanh là chúng sanh ở trong tâm của Bồ tát, đem chúng sanh ở trong tâm Bồ tát mà đánh lễ Bồ tát trong chúng sanh, nên Năng-Sở lễ tánh đều vắng lặng- Gọi là thị hiện Quán Thế Âm.

Đạo Phật là Đạo của hành động, của Dẫn thân. Hình chữ Vạn () hình dung rõ ràng hôn cái Lý này: Bất dịch (Tĩnh) nằm trong cái Lý biến dịch (Động). Nên, hành động hay dẫn thân của Đạo Phật, của Mật giáo đòi hỏi hành giả phải thể nhập vào để thể hiện hay nhập thể để nhập thấ.

Thể nhập là Chánh niệm. Chữ Niệm (念) gồm có: trên chữ Kim (=hiện nay), dưới chữ Tâm (= lòng), tức là tấm lòng của hiện nay. Ý nói rằng: “Không nên dùng tâm quá khứ hoặc tâm vị lai mà niệm, chỉ nên dùng tâm hiện tại mà niệm”.

Do tâm hiện tại niệm, từ nơi đó suối nguồn của tâm Từ bi và Trí tuệ tràn ngập. Có Trí tuệ để quán sát sự vật như thật để đi sâu vào thức tánh và từ đó, khởi lên Tâm Từ cứu độ. Kinh Từ Bi (Karaniya Metta Sutta), bộ Kinh thường được trì tụng trong Phật giáo Nguyên thủy đã nói rõ về Chánh niệm này:

Karaniya matthakusalena - yam tam satam padam abhisamecca-Sakko
uju ca suju ca - suvaco c’assa mudu anatimani.

Santussako ca subharo ca - Appakicco ca sallahuka vutti-Santindryo ca
nipako ca -Appagabbho kulesu ananugiddho.

Na ca khuddam samacare kinci – Yena vinnu pare upavadeyyum –
Sukhino Va khemino hontu – Sabhe satta bhavantu sukhitatta.

Ye keci panabhutatthi – Tasa Va thavara va anavasesa – Digha Va ye mahanta Vamajjihima rassakanukathula.

Dittha Va yeva addhittha – Ye ca dure vasanti avidure – Bhuta Va sambhavesi Va – sabhe satta bhavantu sukhitatta.

Na paro param nikubbetha – natimannetha katthacinam kanci – Byarosana patighasana – nanna mannassa dukkha miccheyya.

Mata yatha niyam puttam – ayusa ekaputta manurakkhe – Evampi sabba bhu tesu – Manasam bhavaye aparimanam.

Mettanca sabbha lokasmin – Manasam bhavaye aparimanam – uddham adhonaca tiriyanca asambadham averam asapattam.

Tittham caram nisinno Va – sayano Va yavat’assa vigatamiddho – Etam satim adhittheyya – Brahmametam viharam idha mahu.

Ditthinca anupagamma silava – dassassena sampanno – Kamesu vineyya gedham – Nahi jatu gabbhaseyyam puna reti’ti.

Bản dịch của Ngài Bửu Chơn :

(Người trí tuệ biết rõ những sự hữu ích, muốn giác ngộ theo các pháp yên lặng là Niết bàn, thì người ấy nên có sự dũng mãnh, thân khẩu-ý chân chánh, dễ dạy, tánh nết mềm mỏng, không ngã mạn thái quá.

Là người tri túc dễ nuôi, ít bận rộn, thân tâm nhẹ nhàng, có lực căn thanh tịnh, có trí tuệ, rất cẩn thận, không quyến luyến theo kẻ thế.

Các bậc trí tuệ hằng khinh bỉ những kẻ khác, tạo những nghiệp ác nào thì người có trí không nên hành theo những nghiệp ấy. Nên rải lòng từ ái đến tất cả chúng sanh như vậy: “Cầu xin cho tất cả chúng sanh hằng được sự an vui, yên ổn”.

Tất cả chúng sanh không có hạn định, dầu là chúng sanh có sự kinh hãi, là còn lòng tham muốn, hoặc các bậc hiền triết đã dứt lòng tham muốn. Chúng sanh nào có thân hình dài hoặc lớn, trung hoặc vắn, gầy hoặc béo.

Chúng sanh mà ta thấy hoặc không thấy được, ngụ nơi xa hoặc gần, đã sanh ra rồi hoặc đang tìm nơi thác sanh: Cầu xin cho chúng sanh đó hằng được sự an vui.

Chúng sanh không nên hăm dọa và hăm hại lẫn nhau, không nên khinh dễ kẻ khác dầu là nhỏ nòi, chút ít, không nên làm khổ lẫn nhau vì sự nóng giận bất bình là sự bực tức trong tâm.

Người mẹ dám liều sanh mạng để bảo dưỡng con mình là con một thể nào, thì người nên rải lòng từ bi vô lượng vô biên đến tất cả chúng sanh cũng như thế ấy.

Người có tâm từ ái vô lượng vô biên là không bực tức, không thù oán, không kẻ nghịch, nên rải đến tất cả chúng sanh trên thế giới, là rải nơi hướng trên, hướng dưới, bên ngang và khoảng giữa.

Người đó dầu lúc đi đứng nằm ngồi, không có ngủ mê lúc nào, thì nên niệm tâm từ ái đến lúc đó. Các bậc trí tuệ gọi những tư cách đó là Phạm Hạnh trong Phật pháp.

Người có tâm từ ái không tà kiến, có giới hạnh được đặc quả Tu-đà-hoàn là người đã dứt bỏ sự vui thích theo ngũ trần và không còn thọ sanh vào thai bào nữa”.

Thật vậy, có chánh niệm mới thể nhập được Thực tánh, thể nhập vào suối nguồn Chân Tâm vốn đầy đủ Từ bi và Trí tuệ, Hạnh nguyện. Có thể nhập để từ đó thể hiện. Thể nhập vào Bản tôn, tức thấy rõ Bộ mặt muôn đời của mình. Nhận thức rõ các pháp là huyễn, phiền não tức Bồ đề. Chúng sanh tức là Phật, mê là ngộ v.v. .

Tổ Huệ Năng trong Kinh Pháp Bảo đàn nói:

Bồ đề bản vô thọ

Minh cảnh diệt phi đài

Bản lai vô nhất vật

Hà xứ nhạ trần ai

Dịch :

Bồ đề vốn không cây

Gương sáng cũng không đài

Phật tánh thường thanh tịnh

Chỗ nào nhuộm bụi nhơ

Từ chỗ Chân không Diệu hữu mới thấy được pháp giới trùng trùng duyên khởi, tương tức tương nhập: Một la tất cả, tất cả là một, tất cả là tất cả. .

Đó là Trí tuệ, có Trí tuệ mới có Từ bi hoặc có Từ bi mới có Trí tuệ. Trí tuệ và Từ bi là một, từ đó, hạnh nguyện độ sanh tự nhiên tràn trề, tức là thể hiện Đại bi Quán Thế Âm.

Hành giả sống trong tâm thức của Bồn tôn, gọi đó là “Gia” do ánh sáng màu nhiệm của Bồn tôn chiếu rọi vào. Thu nhận và hòa đồng cùng ánh sáng đó, gọi là “Trì”. Hai bên thừa tiếp nhau, nên gọi là Tam Mật Gia Trì, hay Định Huệ.- gồm ý nghĩa:

Huệ là Trí Đức Trang Nghiêm.

Định gọi là Phước Đức Trang Nghiêm.

Đây là Lương Túc Tôn, tức Pháp thân hay Như Lai Đại Nhật.

Bộ Kinh Đại Thừa Trang nghiêm- Một Bộ Kinh tối ưu quan trọng của Mật giáo, nêu rõ lý tưởng Từ Bi trong Trí Tuệ, hay ngược lại, Trí tuệ là Từ bi. Đây cũng là Bộ Kinh của Mật tạng nói lên sự thể hiện hay là con đường dẫn thân của Đức Bồ tát Quán Thế Âm.

Sao gọi là Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương ? Vì Kinh nói nơi Tự tánh gồm có đầy đủ Phước Huệ.

Nơi Tự tánh là Sở Trang Nghiêm, còn nơi Phước Huệ là Năng Trang nghiêm. Năng Sở chẳng phải 2, nên gọi là Diệu Trang Nghiêm, bao gồm đầy đủ Tam học là Giới-Định-Huệ và Đà-la-ni.

Kinh cũng thuyết về SÁU CHỮ ĐẠI MINH CHÂN NGÔN, đó là :

OM- () : Ý nghĩa Quy mạng hay trở về. Sắc màu trắng,
thoát Thiên giới.

MA () : Sắc xanh, thoát A-tu-la.

NI () : Sắc vàng, thoát Nhân.

BÁT () : Liên Hoa tức Quán Thế Âm. Sắc lục, thoát
Bàng anh.

MÊ () : Sắc đỏ, thoát Nga quý.

HÙM () : Sắc đen, thoát Địa ngục.

Những màu sắc cũng như những cảnh giới vượt thoát khỏi, tương ứng với những hình ảnh của cận tử nghiệp hay thân trung âm. Tuy nhiên, đề cập đến Liên hoa Bộ, chúng ta thấy rằng: Đây là một may mắn vô cùng cho các Phật tử, vì Chân ngôn Lục tự Đại Minh này là Pháp bảo của Đức Bồ tát Quán Thế Âm trao lại cho cuộc đời. Sáu chữ này có công năng đưa hành giả thoát ra khỏi Tam giới Lục đạo. Nhưng, làm sao để giải thoát ra khỏi khổ nạn này? Làm sao để trang nghiêm thân để thân là Bồ tát Quán Thế Âm? Làm sao để tìm học và thọ trì? v.v.. .

Trong Kinh, Đức Phật dạy: “Nếu Thiên nam và Thiện nữ y pháp niệm Sáu chữ Đại Minh Đà-la-ni này, người đó chắc chắn đắc Tam-ma-địa, an trụ nơi đạo giải thoát, không thể nghĩ bàn.

Lúc đó, Bồ tát Trừ Cái Chướng bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con phải đến nơi đâu để lãnh thọ Sáu chữ Đại Minh. Kính mong Ngài từ bi chỉ dạy”.

Phật dạy rằng: ‘Này Thiện nam tử! Ở tại thành Ba-la-nại có một vị Pháp sư, thường phát tâm khóa tụng thọ trì Sáu chữ này’.

- Bạch Đức Thế Tôn, con nay muốn qua thành đó và muốn được thấy Pháp sư để lễ bái cúng dường.

Phật dạy: “Lành thay Thiện nam tử! Ông nên biết rằng, vị Pháp sư kia rất khó gặp. Thấy được Pháp sư đó cũng như thấy Đức Như Lai, như thấy được công đức Thánh địa, như thấy phước đức chứa tụ, như Pháp tạng, như Châu Ma-ni Như Ý cứu đời.

Thiện nam tử! Nếu ông thấy vị Pháp sư đó, không được sanh lòng khinh mạn nghi ngờ. Thiện nam tử, cũng chớ nên thoái thất tâm Bồ đề. Ta sợ ông thoái thất địa vị Bồ tát, vì vị Pháp sư kia giới hạnh khuyết phạm, lại có vợ con, đại tiểu tiện dính dơ cà sa, trông không oai nghi”.

Bấy giờ Bồ tát Trừ Cái Chướng đem vô số chúng xuất gia Bồ tát, Trưởng giả, Đồng tử và vì muốn hưng khởi đại lễ cúng dường, nên đem Thiện Bảo Cái cõi Trời và các thứ mao báu, châu báu ... và đến chỗ ở của Pháp sư, rồi cúi đầu đánh lễ sát chân của Ngài để cầu Pháp Lục tự.

- Đây là Đại Pháp tạng, Cam lộ vị tạng, là bề pháp thâm sâu, vi diệu. Đức Như Lai Đẳng Giác biết rõ về ông. Nay tôi khao khát Chánh pháp, nguyện cầu ban cho Pháp vị khiến được an trụ nơi Pháp chủng Bồ đề.

Pháp sư nói rằng: “Nếu được sáu chữ Đại Minh Đà-la-ni này, thì không thể bị ba độc tham-sân-si làm ô nhiễm. Như được Vô Thượng Trí, Như Đại Giải Thoát. Tất cả Trí tuệ Mẫu đều xuất phát từ đó, tất cả Như Lai Đẳng Giác và các vị Đại Bồ Tát thấy đều cung kính chấp tay làm lễ. Thiện nam tử! Bồ tát tu pháp này, tức được đầy đủ Sáu Ba la mật”.

Bấy giờ Pháp sư Ngài hiện thân tướng Liên Hoa Thủ, Liên Hoa Cát Tường, Bồ tát Tự Tại Quán Thế Âm vì Bồ Tát Trừ Cái Chướng trao truyền Sáu Chữ Đại Minh Đà-la-ni”.

Tại sao cầu Sáu chữ Chơn ngôn này lại không cầu nơi Đức Phật, nơi các vị Đại Bồ tát hoặc các vị có những hình dạng đặc biệt hay hiển lộ ra những đức hạnh oai nghi, siêu việt v.v... làm để kính phục, mà lại cầu thọ lãnh Pháp nơi một vị Cư sĩ khiêm khuyết oai nghi, vợ con đùm đê, đại tiểu tiện dính dơ, dính cà sa?

Như chúng ta được biết, Đạo Phật là đạo của hành động và hành động thì tác động lên tất cả mọi sự vật, mọi tư tưởng. Bản chất của hành động bao gồm Trí tuệ (Sự hiểu biết) và Từ bi (Tình thương).

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “Nhất thiết duy tâm tạo”.

Tâm con người như người họa sĩ vẽ lên tất cả các nét của cuộc sống. Tâm là một năng lực có thể gây nên mọi sự mâu nhiệm hoặc xấu xa. Cho nên, hành động theo đạo Phật như - bản chất- đưa chúng sanh đi thẳng vào Chân lý. Tuy nhiên, Chân lý lại không thể tách rời khỏi cuộc đời, khỏi con người, vì nếu trần gian ô trược này là đất chết, thì cũng chính nơi đây là đất sống, như phiền não tức Bồ đề. Không có một sự giải thoát nào tách rời khỏi con người hoặc cuộc đời uế nhiễm này.

Con người vì do vô minh, vì thành kiến, cố chấp, thiếu thông cảm v.v..làm thành một lớp màn che phủ Chân tâm, tức Bản Giác.

Trong quyển Tự điển Phật học Hán Việt, Tập 2, trang 1684: Bồ tát Trừ Cái Chướng là tên tắt của “Trừ Nhất thiết Cái chướng”.

Cái là tên khác của phiền não, che lấp cái tâm của chúng sanh, làm chướng ngại Thánh đạo, khiến thiện tâm không nảy nở được, ví dụ như Ngũ cái: 1- Tham dục, 2- Sân nhuế, 3- Thụy miên (Biếng nhác, ham ngủ), 4- Trạo hối (Xao động, hối hận) 5- Nghi pháp (Ngờ vực Chánh pháp) v.v... Như Kinh Vô Lượng Thọ, quyển Hạ nói: “ Sự thanh tịnh do xa lìa trần cái, cái tâm không lười biếng giải đãi” hoặc trong Pháp giới thứ đệ, quyển Thượng: “Cái có nghĩa là che lấp tâm hành giả, khiến lòng tin thanh tịnh không thể nảy sanh được”.

Vị Bồ tát Trừ Cái Chướng biểu tượng như là một con người bình thường như chúng ta, là chúng ta. Một con người đang bị ràng buộc trong với những nội kết, những đau thương của ngã và pháp chấp, tuy nhiên lại mang một tâm thức cầu đạo. Người đã mang nỗi niềm khao khát giải thoát, hơi thở choáng ngợp trong sự tù hãm của nội tâm muốn vươn lên, hai tay chơi với giữa khoảng không gian. Người đã đem tất cả những gì quý nhất để đánh lễ vị Pháp sư để cầu thọ lãnh Sáu Chữ Đại Minh Đà-la-ni. Điều này làm cho chúng ta liên tưởng đến những mẫu chuyện kể về Tiền thân của Đức Phật đi cầu Pháp, chỉ 1 câu hay 1 bài kệ mặc dù phải hy sinh đến tánh mạng v.v.. Đó là những tấm lòng tha thiết vì sanh tử đại sự, vì muốn đắc thành Chánh quả.

Thành Phật có nghĩa là trở về Thủy giác, Chân tánh, cho nên không có nghĩa là xa lánh cuộc đời. Sáu chữ Đà-la-ni mẫu nhiệm này nằm sẵn trong tâm thức của mỗi người, mọi chúng sanh biểu hiện như lục dục, thất tình làm điên đảo con người. Thành Tất địa có nghĩa là chuyển lục thức thành Ngũ Trí Như Lai, chuyển Lục tự thành chân tâm tức xé bỏ mọi cái chướng, phiền phược, chấp trước...

Bản giác ví như vàng khối, tức biểu tượng chúng sanh đều có Phật tánh. Còn Thủy giác ví như vàng đã thành những đồ mỹ khí, trở về Chân Như Thực tánh, hội nhập vào Bản tôn hay Thực tại. Sự hội nhập này không phải bằng Trí năng mà bằng tất cả sự sống tâm linh, gột rửa con người hắc ám, củ kỹ, đạt đát bị ngạn.

Vị Pháp sư hiện thân sống giữa đời và thành Phật giữa phiền não vô minh, như bông sen vươn lên giữa bùn lầy nhầy nhụa, như ánh mặt trời làm tan chảy những tảng băng dày đặc thành kiến, sai lầm.

Núi thành núi, sông thành sông

Đâu có gì sai khác giữa Phật và chúng sanh, giữa mê và ngộ. Pháp sư tuy ở giữa cuộc đời, nhưng Ngài đã thực chứng. Thực chứng bằng thực nghiệm của cuộc đời sanh tử, không phải là cái biết có tính cách lý luận của Trí năng, mà là cái biết đã được thực nghiệm bằng sự sống của bản thân. Ngài đã yêu cái trần gian, yêu chúng sanh vì đó là tâm của Ngài. Qua Kinh, trông Ngài vẻ bề ngoài như phi pháp, quần áo lôi thôi lếch thếch, ăn nói ngông nghênh, nhưng tất cả hành trạng đó chỉ để thể hiện hay biểu tượng cho cái tâm không vướng mắc, rong chơi, vượt chôn nhị nguyên đối đãi, hoàn toàn giải thoát.

Ngài đã quán chiếu thực tại và đi xuyên suốt thực tại và thực tướng của nó, quán rõ cảnh giới đều do Tâm lưu xuất và đạt Đại Tự Tại. Quán biết căn cơ của chúng sanh mà hoá độ, nên Ngài là hiện thân của Đại bi Quán Thế Âm, gần gũi chúng sanh, gần gũi con người, tự tại vô ngại mà thể hiện Bi Trí, Lý Sự vô ngại, đầy đủ đại hùng đại lực, xem thường tất cả mọi sự thăng trầm, khổ vui, phân biệt của cuộc đời.

Đó chính là bàn tay “Tài thủ đắc vật”, nói theo ngôn từ Mật giáo, có nghĩa là đầy đủ “phương tiện thiện xảo” để tùy căn cơ độ sanh. Còn gọi là Đà-la-ni môn, theo Kinh Lăng Nghiêm nói:” Khi đã chứng được Đà-la-ni môn này

là chứng biết vạn pháp sai biệt” hay còn gọi là “Du hí thần thông tam muội”, đi vào cuộc đời sanh tử như một trò du hí độ sanh.

Thiền sư Lâm Tế nói về Du hí Thần thông như sau:” Vào thế giới sắc không bị sắc đánh lừa,vào thế giới âm thanh không bị âm thanh đánh lừa, vào thế giới hương-vị-xúc-pháp không bị hương-vị-xúc-pháp đánh lừa. Thành tựu được sáu thần thông tức đạt được Không tướng của Sáu trần. Tuy còn là thân ngũ uẩn hữu lậu, nhưng thực là đang đi thần thông trên đất”.

Câu nói này hẳn nhiên bỏ tức, bóc trần được hình ảnh linh động, kỳ đặc của Pháp sư tứ c Bồ tát Đại bi Quán Thế Âm qua biểu tượng trong Kinh Đại thừa Trang Nghiêm Bảo Vương.

Do đó, Đức Phật mới nói với Bồ tát Trừ Cái Chướng (Đây có nghĩa Sở tri, chướng ngại, định kiến) rằng: ”Pháp sư đó thường phát tâm koá tụng, thọ trì Lục tự này (sống hồn nhiên trong Đại bi Thai tạng giới), nên thấy vị Pháp sư đó cũng như thấy Đức Như lai. Đây là Pháp tạng (Chân tâm hay Châu Ma-ni Như ý (thể hiện Đại bi) và Pháp sư sống giữa đời thường để giác ngộ cuộc đời, ban vui cứu khổ.

Qua Mật giáo, qua Liên hoa bộ mà Đức Bồ tát Quán Thế Âm là Chủ bộ, chúng ta nhận thấy Ngài không chỉ hiện thân trên con người, vì con người, mà còn hoá thân vì những chủng loại khác nhau như : noãn, thai, thấp, hoá v.v.. vì tâm bao trùm tất cả. Kinh Thủ Lăng Nghiêm còn nói rằng:” Phải biết hư không sanh trong tâm của ông, cũng như một đám mây điểm giữa bầu trời, hướng là các thế giới ở trong hư không”.

Chân tâm rộng lớn, biến khắp viên mãn, bao gồm mười phương.

Chúng ta từ vô thủy đến nay không rõ tâm này, vọng thấy các tướng cũng như con mắt bệnh, nên thấy hoa đốm giữa hư không. Ôu trong Chân tâm vốn đầy đủ vô tận sắc tâm công đức, tức cùng Tỳ-lô-giá-na (Vairocana) thân tâm bình đẳng. Cho nên, muốn thành tựu Phật quả, cần phải ngộ Tỳ-lô-giá-na giới.

Ngài Thành Lương thì nói rằng:” Không nương sự Ngộ này, việc làm không chân chánh, sự tu hành của mình sẽ ràng buộc thành nghiệp ”. Cho nên, Chân tâm này biểu tượng là Đàn tròn (Viên Đàn) trong Bộ Liên Hoa của Mật giáo, bao gồm Bi-Trí, Lý-Sự viên dung.

Theo Đại Trí Độ Luận viết: “Mọi hiện tượng đều gồm trong 2 phạm trù Vật lý và Tâm lý, ngoài ra không còn gì khác. Trên phương diện phân biệt, ta nhận thấy Tâm và Vật khác nhau, nhưng trên bình diện Giác ngộ, mọi hiện tượng đều từ Tâm. Tâm màu nhiệm mà Vật cũng màu nhiệm (Diệu Sắc Diệu Tâm). Tâm là Vật, mà Vật cũng là Tâm, ngoài Tâm không Vật, ngoài Vật không Tâm. Cả 2 tương nhiếp lẫn nhau, nên gọi là bất nhị”.

Câu này cũng nói lên tinh thần của Liên Hoa bộ, như đã nói ở trước, Liên hoa bộ bao gồm đủ : Phật, Liên hoa và Kim cương bộ. Phật bộ là Thực tại, biểu tượng là hình vòng tròn hàm chứa Bi Trí, Tâm Vật...đây là ý nghĩa thể nhập vào Bản tôn hay đức Tam mật gia trì của Mật giáo.

Trong Kinh Dịch có nói: “Tẩy tâm, thôi tàng ư Mật “.

Chữ Mật này thì đồng nghĩa với Chân tâm. “Tẩy tâm” là gột rửa Tâm mình, gột rửa những meo mốc của quá khứ, những thành kiến phải quấy, thiện ác v.v...để trở về với Chân tâm. Chân tâm khác với cái tâm nhị nguyên. Ôu đây, Chân tâm là biểu tượng cho cái vòng tròn, như cái lòng của biển cả.

Theo quan niệm “vật thể “ của Tây phương, vòng tròn hình căng lên giống như cái bầu của người đàn bà. Do đó, thường biểu tượng cho đàn bà và sự sanh nở qua những nét tròn.

Quan niệm của Đông phương, tròn là biểu tượng cho sự biến dịch, va chạm vào nhau mà không gây hại cho nhau. Đây là hoà đồng phải có trong mọi sự sống chung, để sanh tồn. Ví dụ: gặp thời tiết băng giá hoặc điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, thù nghịch,; thì loài vật có khuynh hướng thu tròn lại để bảo tồn năng lượng.

Còn quan niệm của Mật giáo, vòng tròn biểu tượng cho Đại Viên Cảnh trí, như các Kinh Đà-la-ni trì tụng Pháp nói:” Tam ma địa hay Du già trì là tướng Tâm thành vòng tròn sáng” (Mật nguyệt)

Mật giáo chỉ thẳng chân tâm, không qua con đường lý luận trí năng. Vị Du già sư qua Đàn pháp, Ấn khế, Chân ngôn v.v...đẩy hành giả vào tâm điểm của vòng tròn, đó là tâm điểm của Thực tại. Dĩ nhiên, người hành giả đã trải qua bao nhiêu là thăng trầm, miên mật trong biển Pháp và vị du già sư

đã nhìn thấy ra căn cơ đã chín nẫu. Đản Pháp chỉ là môi giới làm cho hành giả thể nhập thẳng vào dòng sống đó.

Chúng ta phải quen với ngôn ngữ Mật giáo, vì ngôn ngữ đó thường biểu lộ qua Ân khế, Quán tưởng, Chân ngôn, Đản pháp, vì đó bao hàm nội dung hoặc Tâm ấn ẩn tàng sự Giác ngộ của Bồ tôn hay Đức Phật hoặc vị Thượng sư. Về mặt Lý tánh, thì đồng thể giữa chúng sanh và Phật. Về mặt sai biệt, như trong Hiến Mật Viên Thông nói:” Ly tướng ngoài cầu lấy Vô tướng” và Vô tướng chính là Thực Tướng.

Kinh Quảng Bát lâu Cát còn nói rằng:” Chân ngôn là Mẹ của chư Phật”. Thần Biến sơ gọi đó là Vô tướng Pháp giới. Mỗi mỗi chữ đều gồm đủ Giới-Định-Huệ, đủ muôn hạnh không ngoài Lục độ, Lục độ không lià Tam học”. ừ

Vì thế, chân ngôn cần phải được Mật truyền, không được giải thích, vì nếu giải thích từng chữ, từng câu sẽ không đủ hết ý nghĩa, hơn nữa, còn thành những ý niệm, định niệm, phân đoạn v.v...khiến hành giả xa lìa Chân tâm. Khi chia xẻ Thực tại, Thực sẽ là vô nghĩa.

“Thời gian suy nghĩ, mây xa ngàn dặm” (Thiên sư Trí Bảo, phái Vô ngôn Thông ở Việt Nam).

Tuy nhiên, làm hiển lộ Chân tâm hay thể nhập vào Tâm ấn của Đức Như lai (Đại bi Thai tạng giới) được hay không, phải do Công Năng miên mật của hành giả. Tại sao phải hội đủ Công Năng?- vì lẽ, như yá nghĩa được nói sau về Công Năng: Tinh Cần tu hành, gọi đó là Công và phải đủ Tín nguyện, đó là Năng.

Không hành trì, không Tín nguyện, chúng ta mãi mãi đứng xa khoảng trời Mật nử, trừ phi phải là bậc đã đầy đủ túc duyên, gieo trồng căn lành nhiều đời nhiều kiếp.

Do Công Năng này, hành giả liên tục gia trì (miên mật) trong dòng sống Thực tại, kết được Thánh thai Đại bi Quán Thế Âm, vì làm bùng vỡ cái hữu ngã, chấp trước, vị ngã để nhảy vào vô ngã, một chân trời thanh thang, vô tướng, vô cầu, nhưng đầy hạnh Đại bi.

Trong Kinh Tăng A-hàm viết:”Tác ý tức nghiệp” hay Kinh Kim Cang:”Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Nghiệp ở đây là Bạch tịnh nghiệp, đã tịnh hoá, trở về với Chân tâm. Như Lục tự Đại minh còn nói:” màu trắng

là tổng hợp của 7 màu, nó chỉ cho sự bao dung vô cùng tận trong sự hoà hợp của Tâm hư”.

Vào thế kỷ 17, nhà Bác học Newton sau khi làm thí nghiệm ánh sáng mặt trời xuyên qua hình lăng trụ bằng thủy tinh, đã đi kết luận sau:” Một mảnh thủy tinh hình lăng trụ có thể phân chia ánh sáng mặt trời thành 7 màu khác nhau”.

Các nhà Bác học thường gọi màu sắc trên là linh hồn của ánh sáng. Hai nhà Bác học Thụy sĩ là Georg Agricola (1499-1555)- người lập ra ngành mỏ và Paracelse (1493-1544)- người cha đẻ của thuật luyện kim đơn, đã phát hiện rằng:” Từ màu sắc của ngọn lửa, chúng ta suy luận và biết vật thể đang cháy”.

Qua phương pháp suy luận qui nạp, chúng ta nhận thức rõ màu trắng là tổng hợp của 7 màu và qua Mật giáo, Bạch tịnh thức bao hàm sự chuyển y, chuyển hoá của lục dục thất tình hay “Phiền não tức Bồ đề”. Đây là đường trở về Chân tâm và Khí.

Mật giáo quan niệm rằng làm chủ được thân-khẩu-ý, tức đạt được tam muội (Chánh định). Cũng như nếu biết xử dụng hơi thở (khí) và âm thanh (Phạm âm) sẽ tạo ra được những luồng ba động có năng lực sáng tạo. Năng lực sáng tạo này trường dưỡng Thánh thai Đại bi và Trí tuệ, do sự trở về với Bạch Tịnh Thức.

Chủng tử của Bạch tịnh thức theo Đại bi Quán Thế Âm hay Liên hoa bộ là Hật-ri (Hrih). Theo A-di-đà Nhất tự Tâm chú, chân ngôn chủng tử này luôn luôn đi theo với Lục tự : Om- Mani Padme Hùm, Hrih (Đoá sen trong viên ngọc ma-ni (như ý) được hình thành trong Bạch tịnh thức.

Chữ Hrih gồm đủ 4 chữ để thành một chân ngôn. Chữ HA

(H) tự môn, có nghĩa là tất cả pháp môn bất khả đắc. Chữ RA

(R) tự môn, nghĩa là tất cả pháp ly trần. Trần nghĩa là ngũ trần gồm: sắc-thanh-hương-vị-xúc. Đây, cũng gọi là 2 thứ chấp trước Năng thủ và Sở thủ. Chữ Y (I) là tự tại bất khả đắc. Chữ ÁC (H) gọi là Niết bàn. Do Giác ngộ các pháp vốn không sanh, xa lìa 2 thứ chấp trước, nên chúng được Pháp giới thanh tịnh.

Chữ Hrih này cũng gọi là tâm hổ thẹn, hay Tâm quý. Thẹn với lương tâm mình, và xấu hổ đối với người khác, vì thế không làm điều bất thiện, đầy đủ tất cả các pháp lành vô lậu. Trong Liên hoa Bộ gọi là Pháp bộ, chuyển thành Diệu dụng. Do chuyển được Lục dục thành Tịnh thức, đây là Tịnh thổ của Tâm do sự trở về (chuyển y) và phương Tây là biểu tượng của Tịnh thức này. Mặt trời mọc ở phương Đông, lặn ở phương tây.

Qua đôi mắt hạn hẹp của chúng ta, mặt trời đã lặn khi ở cuối phương tây. Nhưng, nó lặn để mà mọc lại rõ ràng ánh sáng rực của buổi bình minh: Xuân Hạ Thu Đông vẫn tuần tự trôi qua, ngày lại đến đêm, rồi lại ngày. Nơi này vừa chấm dứt, nơi kia lại bắt đầu, liên tục...

Thiền sư Mãn Giác nói rằng:

Mạc vị xuân, hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ, nhất chi mai

Dịch:

Chớ bảo xuân tàn, hoa rụng hết

Đêm qua sân trước, một cành mai

Theo Abhidharma :”Sự sanh và sự chết bất cứ lúc nào cũng xuất hiện đồng thời”.

Cho nên, trở về với Tịnh thổ, có nghĩa là chết đi con người cũ kỹ, con người của sách vở, của của xã hội, của nhị nguyên, của nhân vị tạo thành. Con người của kiến thức, của truyền thống lâu đời không biến cải v.v... (Huyền nhai tận thủ, tuyệt hậu tái sanh : Vực thẳm buông tay, chết đi sống lại).

Không chết con người này, sẽ không bao giờ chuyển y được và sẽ không là con người của Đại bi Đại trí. Ôm cái vị ngã hạn hẹp vào mình, thì bầu trời bao la chỉ còn gom lại trong lòng bàn tay, chật cứng. Chết đi con người cũ, nghĩa là phá tung cái vị ngã để hoà vào vô ngã, của vùng trời bao la vô cùng tận.

Ngài Điều Ngự Giác Hoàng nói: “Nhất hồi niệm xuất, nhất hồi xuân “. Con người mới, con người của vô ngã, của cái tâm bao dung, là con người giải thoát tự tại, và là một Đại bi Quán Thế Âm. Đó là một biểu tượng cực đẹp, sống động ban vui cứu khổ, là cứu cánh của Mật giáo.

Trên cái bàn viết của tôi, một cái lọ nhỏ nằm trên bàn, vài nhánh cây vạn niên thanh (tên thường gọi là cây trầu bà) được cắm vào đó, lẫn với sỏi, nước. Mỗi ngày, tôi nhìn nó và ước muốn nó sẽ lớn, xanh. Nay thì nó đã thêm nhiều lá, xanh mướt, tràn đầy sức sống, yếu điệu, vươn mình khoe sắc. Từ cuống thân, những mầm rễ trắng nhú ra, mỉm cười. Có những nhánh dài màu xám nhạt, len lỏi qua kẽ hở của những hạt sỏi chồng chất nhau, bám rễ và hút nước. Một mẫu thiên nhiên nhỏ được tôi nuôi dưỡng bằng chính tình thương của tôi. Tôi đã nhìn nó hàng ngày và nó đã sống dậy, không chỉ vì nước mà còn, cũng vì lòng thương, tình cảm của người bạn săn sóc nó.

Tình thương phải chăng làm cho cuộc sống có ý nghĩa và sống dậy. Chúng ta đã có bài học yêu thương đầu đời bằng tình thương của cha mẹ và khi lớn lên, với thiên nhiên, với mọi sự vật chung quanh. Sự hiện hữu của một người là do tình thương của bao nhiêu người khác, tương tức tương nhập và ngược lại. Sự đau khổ, sự vô thường, sự chia cách, được thua, vinh nhục, giàu nghèo v.v.. đã không làm cho chúng ta trưởng thành và nhiều tình thương hơn sao?

Cho nên, tình thương chính là sự sống. Sự sống vươn mình hiển hiện khắp mọi nơi, thì Đại bi Quán Thế Âm cũng thể hiện, phân hình khắp nơi chốn cần cầu. Tình thương- đó là Phật giáo, vì đến từ cái tâm trưởng thành. Tình thương không thể có trong một con người nhiều thành kiến, đố kỵ, hận thù... Tình thương chỉ có thật khi con người thông cảm lẫn nhau do sự hiểu biết chân thành và nhận ra nhau là những vị Phật sẽ thành. Những lớp phủ bề ngoài chỉ là những nghiệp lực tác động đến, còn Tâm Phật vẫn luôn ngời sáng.

Đời sống cuộn cuộn trôi như nước chảy qua cầu, có ai bắt được dòng nước vừa trôi qua. Mọi sự luôn biến dịch trong từng sát na một, nhưng mỗi lúc lại chứa đựng cả thiên thu. Trong nhà thiền gọi là: “Nhất niệm vạn niên “.

Chúng ta đang đứng trước một nền văn minh vật chất cực thịnh, quay cuồng mọi người trong những mắc xích, mà mỗi người là một mắc trong đó. Chúng ta chạy theo thời gian, dù thời gian vật lý một ngày chỉ có 24 giờ, ta vẫn cảm thấy thiếu, vì tâm luôn bất an. Chúng ta nhận lầm tiên bộ vật chất

là tiền bộ tâm linh và vô tình, lại đang bán linh hồn cho những tiện nghi đó. Cho nên, tấm lòng Đại bi thể hiện trong lúc này là cùng nhau làm cho vật chất có ý nghĩa tiền bộ thực sự là để phục vụ con người đúng nghĩa. Và chung quanh chúng ta, bao hoàn cảnh đau khổ đã đang có mặt, trong ta hay trong những người thân, bạn bè, người xa lạ...Chiến tranh, thiên tai, nạn tại và là nỗi bức xúc thường trực ảnh hưởng đến mọi thân phận con người, bất kể địa phương, giai cấp, màu da chủng tộc, tôn giáo, văn hoá v.v..Hình ảnh của Đại bi Quán Thế Âm trở nên cần thiết hơn bao giờ hết, để Chánh báo chuyển hoá Y báo, để cảnh khổ được dập tắt, lò lửa hận thù biến thành lò sen thanh khiết, diệu hiền.

Thực sự, cuộc sống không có gì mâu thuẫn; mâu thuẫn hay không là do chúng ta đem đến cho nó với ý niệm vị kỷ, đặt định, ưa ghét, khen chê v.v...Con người là một cái gì vô tận (Phật tánh), cuộc sống cũng vô tận (Pháp giới sum la vạn tượng, trùng trùng duyên khởi). Đem cái vô tận ở bên trong mà ứng với cái vô tận ở bên ngoài, đó gọi là Đại bi Quán Thế Âm.

Làm sống lại hình ảnh của Bồ tát Quán thế Âm trong Mật giáo, chủ đích của chúng tôi mong ước rằng tất cả chúng ta hãy trở về với Quán Thế Âm của tự tánh mà mọi người đều có đủ, để cứu khổ ban vui cho mình, cho tất cả mọi người, mà chính ta cũng là một sự sống trong đó.

Có đường nào không quanh co, khúc khuỷu

Có đường nào thẳng hoài, êm dịu bước chân đi

Người có đến, có đi

Cỏ cây, hoa lá đều vẫn vậy

Chim vẫn hót reo vui trong trong nắng bình minh

Hay buổi chiều tà về nắng nhạt

Xuân Hạ Thu Đông vẫn tuần tự trôi qua

Đã bao lần, ta không nhìn thấy

Nhưng hôm nay, Ngài đến

- Chuẩn Đề Đà la ni Kinh “
- Tô Bà Hô Đồng tử Kinh luận Thầy Thích Quảng Trí dịch
- Phổ Môn giảng lục- Đại sư Thái Hư HT. Trí Nghiêm dịch
- Huyền luận về Kinh Pháp Hoa. Đại sư Thái Hư Minh Lễ dịch
- Diệu Pháp Liên Hoa giảng diễn lục HT. Trí nghiêm dịch
- A Di Đà số sao HT Thích Hành Trụ dịch
- Dòng Tiếp Hiện Nhất Hạnh
- Pháp Hoa huyền nghĩa Chánh Trí Mai Thọ Truyền
- Quán Thế Âm Bồ tát tín luận Cư sĩ Hàn Tín
- Phật Học Phổ thông HT Thích Thiện Hoa
- Sáu cửa vào động thiếu thất Cư sĩ Liễu Như
- Chu Dịch huyền giải Nguyễn Duy Cần
- Nguyễn Trãi- Sinh thức và hành động Võ văn Ái
- Kinh Thủ Lăng nghiêm HT Thích Từ Thông

---o0o---

Hết